| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 201/2019/HSST
Ngày: 17/6/2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Tất Trình.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Huỳnh Thị Ngọc Liên.

2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

***- Thư ký phiên tòa****:* Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa****:* Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 263/2019/HSST ngày 14/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2426/2019/QĐXXST-HS ngày 29/5/2019 đối với bị cáo:

TRẦN MINH T, giới tính: Nam; sinh: 30/12/1972; nơi sinh: tại tỉnh K; thường trú: 313 lô B chung cư L, phường N, quận M, Thành phố H; chỗ ở: 252 đường P, phường C, quận G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Bảo vệ; con ông Trần Văn R và bà Trương Ngọc M; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; tạm giam ngày 30/7/2018 (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh T:* Luật sư Nguyễn Đình P - Văn phòng Luật sư VTH, Đoàn Luật sư Tp.Hồ Chí Minh (có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 00 giờ 30 phút ngày 30/7/2018, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận T phối hợp với Công an phường S, quận T kiểm tra hành chính quán bar P, địa chỉ 89 đường N, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, đã phát hiện và bắt quả tang Trần Minh T có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy để bán. Thu giữ trong túi áo vest của Trần Minh T đang mặc có 01 gói giấy bạc chứa 04 viên nén màu xanh hình chiếc khiên, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 1,4069gam, loại MDMA.

Qua làm việc, Trần Minh T khai còn cất giữ ma túy tại phòng nhân viên bảo vệ và đem giao nộp, gồm: 01 hộp thiếc bên trong có 50 viên nén màu xanh hình chiếc khiên, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 18,85gam, loại Ketamine; 20 viên nén màu xanh hình giọt nước, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 6,9203gam, loại MDMA; 26 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 9,7530gam, loại Ketamine; 01 hộp nhựa màu xanh bên trong có 50 viên nén màu xanh, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 17,9259gam, loại MDMA; 06 gói nylon chứa chất tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 57,2623gam, loại Ketamine.

Toàn bộ số ma túy thu giữ đã được giám định và kết quả giám định thể hiện tại Kết luận giám định số 1322/KLGĐ-H ngày 06/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tp.Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra, Trần Minh T khai nhận: Khoảng tháng 5/2018, khi làm bảo vệ tại quán bar P, Trần Minh T có quen biết một người khách tên H (không rõ lai lịch), H nói cho Trần Minh T biết là H có bán ma túy loại thuốc lắc Kentamine và cho Trần Minh T số điện thoại của H để liên lạc khi cần mua ma túy. Sau đó, Trần Minh T đã mua ma túy của H được 02 lần để bán cho khách kiếm lời, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 15/5/2018, Trần Minh T gọi điện thoại cho H đặt mua 100 viên thuốc lắc giá 160.000 đồng/viên và 01 hộp ma túy loại Ketamine giá 7.000.000 đồng, việc giao nhận ma túy và tiền tại quán bar P.

Lần 2: Ngày 16/5/2018, Trần Minh T tiếp tục đặt mua của H 100 viên thuốc lắc giá 160.000đ/viên và 01 hộp ma túy loại Ketamine giá 7.000.000 đồng, việc giao nhận ma túy và tiền tại quán bar P.

Sau khi mua ma túy, Trần Minh T cất giấu tại tủ cá nhân ở quán bar P để bán cho khách tại quán với giá 220.000 đồng/viên thuốc lắc; đối với ma túy loại Ketamine thì Trần Minh T dùng cân tiểu ly phân ra thành 10 gói nhỏ, bán cho khách với giá 1.000.000 đồng/gói; số ma túy chưa bán hết Trần Minh T cất giấu trong tủ cá nhân tại quán bar P và bỏ 04 viên thuốc lắc vào túi áo vest để bán cho khách thì bị phát hiện bắt giữ quả tang và thu giữ như nêu trên. Trần Minh T khai nhận đã thu lợi được 9.000.000 đồng trong thời gian mua bán trái phép chất ma túy.

Vật chứng vụ án:

- 03 gói giấy niêm phong ghi vụ số 1322, chứa ma túy còn lại sau giám định;

- 02 điện thoại di động (hiệu Oppo và hiệu Nokia);

- 01 cân điện tử;

- 01 xe mô tô biển số 59G1-619.05, số máy: JF27E-0793273, số khung: BY-069708. Kết quả xác minh chiếc xe có số máy, số khung nêu trên có biển số thật là 59L1-240.68 (biển số 59G1-619.05 là biển số giả), xe do Diệp H1 đứng tên sở hữu.

Tại bản Cáo trạng số 184/CT-VKS-P1 ngày 07/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Minh T về tội "Mua bán trái

phép chất ma túy" theo điểm h Khỏan 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm nhận định như sau: Ngày 30/7/2018, bị cáo bị phát hiện bắt quả tang hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để bán cho người khác, thu giữ 26,2531g, loại MDMA và 85,8653gam, loại Ketamine. Theo quy định tại Nghị Định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính Phủ quy định về việc tính tổng khối lượng các chất ma túy trong trường hợp các chất ma túy không được quy định trong cùng một điểm trong một điều luật của Bộ luật Hình sự, số ma túy thu giữ của bị cáo được quy đổi thuộc trường hợp bị truy tố theo Khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự, nên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Minh T về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo điểm h Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

Áp dụng điểm h Khoản 3 và Khoản 5 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 15 đến 17 năm tù và áp dụng hình phạt bổ sung, phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy thu giữ và vật chứng không còn giá trị sử dụng, các vật chứng còn lại đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Minh T trình bày quan điểm bào chữa như sau: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng, khách quan. Luật sư thống nhất về tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát đã truy tố nên không tranh luận, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải trong quá trình điều tra và hoàn cảnh gia đình có cha mẹ già, đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử bị cáo mức án nhẹ nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo Trần Minh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố, nhìn nhận trách nhiệm của mình, ăn năn hối cải, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, nói lời sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, hành vi phạm tội của bị cáo cụ thể như sau: Ngày 30/7/2018, bị cáo Trần Minh T bị phát hiện bắt giữ quả tang về hành vi cất giữ trái phép chất ma túy tại quán bar P, địa chỉ số 89 đường N, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm mục đích để bán cho người khác, khối lượng ma túy ở thể rắn bị thu giữ gồm: 26,2531g, loại MDMA và 85,8653gam, loại Ketamine. Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất gây nghiện của nhà nước. Do tác hại của ma túy gây ra đối với xã hội rất lớn, là nguyên nhân làm tăng tệ nạn nghiện ma túy, là nguồn lây nhiễm căn bệnh nguy hiểm HIV, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm nguy hiểm khác, nhưng vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhằm thu lợi bất chính, thể hiện xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Khối lượng ma túy bị cáo cất giữ để mua bán trái phép là 26,2531g, loại MDMA và 85,8653gam, loại Ketamine, căn cứ Nghị Định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ quy định về việc tính tổng khối lượng các chất ma túy trong trường hợp các chất ma túy không được quy định trong cùng một điểm trong một điều luật của Bộ luật Hình sự thì các chất ma túy thu giữ của bị cáo được quy đổi thuộc trường hợp bị truy tố theo Khoản 3 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, việc truy tố bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo điểm h Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo mà đáng ra bị cáo phải chịu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về lượng hình: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy gây ra đối với người trực tiếp sử dụng nói riêng và đối với xã hội nói chung, nhưng chỉ vì động cơ vụ lợi bị cáo đã cố tình mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng lớn, coi thường sự trừng phạt của pháp luật, nên cần phải xử phạt nghiêm tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Áp dụng hình phạt bổ sung, phạt bị cáo Trần Minh T số tiền 10.000.000 đồng.

Người tên H do không xác định được lai lịch, nên không có căn cứ xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án:

- 03 gói niêm phong ghi vụ số 1322, bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định và 01 cân điện tử, là vật cấm lưu hành và vật không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại di động hiệu Oppo, là vật sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Chiếc xe mô tô biển số 59G1-619.05 (biển số giả), số máy: JF27E-0793273, số khung: RLHJF2701BY069708. Bị cáo khai nhờ người tên Trong (không rõ lai lịch) mua giúp để sử dụng, bị cáo không biết tên chủ xe và người bán, không làm giấy tờ mua bán. Qua xác minh xác định biển số 59G1-619.05 là biển số giả; xe có số máy, số khung nêu trên có biển số thật là 59L1-240.68, do người có tên Diệp H1, địa chỉ 108 đường A, phường C, quận N, Thành phố H đứng tên sở hữu. Tuy nhiên, hiện nay không xác định được Diệp H1 ở đâu, không lấy được lời khai của Diệp H1. Do chưa xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nên cần đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đối với chiếc xe trên, hết thời hạn thông báo mà không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Trong thời gian mua bán trái phép chất ma túy bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền 9.000.000 đồng, nên buộc bị cáo phải nội sung công quỹ nhà nước số tiền đã thu lợi bất chính nêu trên.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

1- Căn cứ điểm h Khoản 3 và Khoản 5 Điều 251, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo Trần Minh T 15 (mười lăm) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2018.

- Phạt bị cáo Trần Minh T số tiền 10.000.000 đồng nộp sung công quỹ Nhà nước.

2- Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 03 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 1322 (gói 1, 2, 3), có chữ ký của giám định viên Võ Anh Tuấn và cán bộ điều tra Hồ Văn Của, bên trong là ma túy còn lại sau giám định và 01 cân điện tử.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 điện thoại di động hiệu Oppo;

- Giao Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 tháng theo quy định của pháp luật để tìm chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp chiếc xe hai bánh gắn máy, nhãn hiệu: Honda, số loại: AirBlade, loại xe: hai bánh, biển số 59G1-619.05 (biển số giả), số máy: JF27E-0793273, số khung: RLHJF2701BY069708. Hết thời hạn

nêu trên, nếu không xác định được chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp thì tịch thu xe sung công quỹ nhà nước.

(Biên bản giao nhận tang tài vật số 266/19 ngày 07/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

3- Căn cứ Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Buộc bị cáo Trần Minh T phải nộp sung công quỹ nhà nước 9.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

4- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Minh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Luật sư; (1)
- THA HS; (1)
- Phòng PC 53-CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (7)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Tất Trình**